TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST Ngày: 13-3-2026 *V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Dũng

Ông Nguyễn Như Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2025 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh ngày: 21/01/1964; Số CCCD: 042064008535 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố V, phường H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh ngày 26/7/1963; Số CCCD: 042163012953 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố V, phường H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay, có tổ chức đám cưới có sự chứng kiến của hai bên gia đình và chính quyền địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình hai bên chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Thời gian mâu thuẫn kéo dài 8 năm nay, hai bên không còn quan tâm chăm sóc,

không tin tưởng nhau. Mặc dù đã cố gắng nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân do bà H không còn quan tâm chăm sóc ông Q kể cả những lúc ông ốm đau. Ông Q xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà H.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H có 02 con chung tên là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 25/9/1993 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 05/01/2000. Hai con đều đã trưởng thành, có việc làm và thu nhập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung gồm có:

- 01 Thửa đất số 486, tờ bản đồ số 41, có diện tích 214,7 m² ở Tổ dân phố V, phường H, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số DH 138577 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 16/3/2023 mang tên ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H

- 01 ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ trợ gắn liền với thửa đất trên.

Nguồn gốc đất và nhà do vợ chồng tự mua và xây dựng nên.

Ông Q yêu cầu Tòa án chia tài sản chung bằng hiện vật như sau: Chia thửa đất trên thành 02 thửa:

- Ông Nguyễn Văn Q được quyền quản lý, sử dụng 107,5m^2 đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý dài 5,4m; Phía Nam giáp đường giao thông dài 5,33m; Phía Đông giáp thửa đất số 127 dài 20m; Phía Tây giáp đất chia cho bà H dài 20m và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được chia.

- Bà Lê Thị H được quyền quản lý, sử dụng 107,2m^2 đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý dài 5,39m; Phía Nam giáp đường giao thông dài 5,34m; Phía Đông giáp đất chia cho ông Q dài 20 m; Phía Tây giáp thửa đất số 485 dài 20m và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được chia. Đối với phần nhà nằm trên đất chia cho ông Q thì bà H có trách nhiệm dời dọn.

- Hai bên không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

Về nợ chung: Không có

Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về thời gian tổ chức lễ cưới, chung sống, việc đăng ký kết hôn và thời gian mâu thuẫn thống nhất như trình bày của ông Q. Khoảng thời gian 8 năm nay vợ chồng không còn ăn chung, ngủ chung, mọi sinh hoạt đều riêng biệt. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Q thường xuyên rượu chè, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Quá trình mâu thuẫn gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Bà H xác nhận không còn tình cảm với ông Q nên đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Về con chung: Bà H thống nhất như trình bày của ông Q.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị H thống nhất với ông Nguyễn Văn Q về khối tài sản chung và đồng ý chia tài sản chung như phần trình bày của ông Q.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 15, 16, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét về nuôi con.

- Về tài sản chung: Chia tài sản chung của các đương sự là một thửa đất số 486, tờ bản đồ số 41 với diện tích 214,7m^2 tại thôn V, xã T (C) nay là tổ dân phố V, phường H, tỉnh Hà Tĩnh theo GCNQSDĐ số DH 138577 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 16/3/2023 mang tên ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H và một ngôi nhà cấp 4 được xây trên đất như sau:

+ Ông Nguyễn Văn Q được quản lý sử dụng ½ thửa đất số 486, tờ bản đồ số 41 với diện tích 107,35m^2 là phần đất tiếp giáp với thửa số 127 (hộ bà Nguyễn Thị H2).

+ Bà Lê Thị H được quản lý sử dụng chia ½ thửa đất số 486, tờ bản đồ số 41 với diện tích 107,35m^2 là phần đất tiếp giáp với thửa số 485 và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất này. Đối với phần nhà nằm trên đất chia cho ông Q thì bà H có trách nhiệm dời dọn trả lại mặt bằng cho ông Q.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q (61 tuổi) và bà Lê Thị H (62 tuổi là người cao tuổi và đều có đơn xin miễn án phí. Do đó, ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và giải quyết chia tài sản chung đối với bị đơn bà Lê Thị H (cư trú tại: phường H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Hà Tĩnh, ông Q và bà H bắt đầu chung sống với nhau tại địa phương từ năm 1992 và có 02 người con chung nhưng trong sổ hộ tịch còn lưu trữ tại UBND phường không có thông tin về việc đăng ký kết hôn của ông Q và bà H; Quá trình chung sống tại địa phương, ông Q và bà H thường xuyên mâu thuẫn và đã kéo dài, nhiều lần xảy ra xô xát, ảnh hưởng đến sinh hoạt gia đình và trật tự tại khu dân cư, đã được Công an phường triệu tập lên làm việc, nhắc nhở và hòa giải theo quy định. Như vậy, ông Q và bà H đã chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, điều này được cả ông Q, bà H và Ủy ban nhân dân phường H xác nhận, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà H vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không có giá trị về mặt pháp lý. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H.

[3] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H có 02 con chung tên là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 25/9/1993 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 05/01/2000. Hai con đều đã trưởng thành nên không xem xét về nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều thừa nhận tài sản chung gồm có: 01 Thửa đất số 486, tờ bản đồ số 41, có diện tích 214,7 m² tại Tổ dân phố V, phường H, tỉnh Hà Tĩnh; 01 ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ trợ gắn liền với đất. Theo kết quả xác minh tại địa phương khối tài sản trên có nguồn gốc do ông Q và bà H tạo lập và không có tranh chấp, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp GCNQSDĐ số DH 138577 ngày 16/3/2023 mang tên ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H. Do vậy, ông Q và bà H có quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp. Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận thống nhất về việc phân chia tài sản chung như sau: Chia thửa đất trên thành 02 thửa: Ông Nguyễn Văn Q được quyền quản lý, sử dụng 107,5m^2 đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý dài 5,4m; Phía Nam giáp đường giao thông dài 5,33m; Phía Đông giáp thửa đất số 127 dài 20m; Phía Tây giáp đất chia cho bà H dài 20m và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được chia. Bà Lê Thị H được quyền quản lý, sử dụng 107,2m^2 đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý dài 5,39m; Phía Nam giáp đường giao thông dài 5,34m; Phía Đông giáp đất chia cho ông Q dài 20 m; Phía Tây giáp thửa đất số 485 dài 20m và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được chia. Đối với phần nhà nằm trên đất chia cho ông Q thì bà H có trách nhiệm dời dọn. Hai bên không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Căn cứ khoản 2 Điều 53, các Điều 16, 33, 62 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân chia tài sản chung.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Xét nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho nguyên đơn và bị đơn.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Q đã nộp đủ và không yêu cầu bà H phải trả 1 nửa nên miễn xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 33, khoản 2 điều 53, Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 7 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm a, b khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị H.

2. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chia Thửa đất số 486, tờ bản đồ số 41, có diện tích 214,7 m² tại Tổ dân phố V, phường H, tỉnh Hà Tĩnh thành 02 thửa (có sơ đồ kèm theo):

- Ông Nguyễn Văn Q được quyền quản lý, sử dụng 107,5m^2 đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý dài 5,4m; Phía Nam giáp đường giao thông dài 5,33m; Phía Đông giáp thửa đất số 127 dài 20m; Phía Tây giáp đất chia cho bà H dài 20m và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được chia.

- Bà Lê Thị H được quyền quản lý, sử dụng 107,2m^2 đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý dài 5,39m; Phía Nam giáp đường giao thông dài 5,34m; Phía Đông giáp đất chia cho ông Q dài 20m; Phía Tây giáp thửa đất số 485 dài 20m và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được chia. Đối với phần nhà nằm trên đất chia cho ông Q thì bà H có trách nhiệm dời dọn trả lại mặt bằng cho ông Q.

- Hai bên không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

3. Về án phí: Miễn cho nguyên đơn và bị đơn toàn bộ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm và án phí chia tài sản chung.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1- Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Công Dũng **Nguyễn Như Dũng** **Lê Thanh Huyền**